

CHƯƠNG 4

**KÊ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
THEO CHI PHÍ THỰC TẾ KẾT
HỢP VỚI CHI PHÍ ƯỚC TÍNH**

BẢNG SO SÁNH

HỆ THỐNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT	CP NVL TRỰC TIẾP	CP NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP	CP SẢN XUẤT CHUNG	THỜI ĐIỂM TÍNH GIÁ THÀNH
THỰC TẾ	THỰC TẾ	THỰC TẾ	THỰC TẾ	CUỐI KỲ
THỰC TẾ KẾT HỢP ƯỚC TÍNH	THỰC TẾ	THỰC TẾ	ƯỚC TÍNH	MỌI THỜI ĐIỂM

Mục tiêu

Cung cấp thông tin về chi phí một cách kịp thời, hữu ích và hiệu quả để phục vụ cho nhà quản lý đưa ra các quyết định kinh tế.

1. Đặc điểm

- ❖ Trong kết cấu giá thành 2 khoản mục CP NVLTT và CP NCTT đều là chi phí thực tế, khoản mục CP SXC là CP ước tính.
- ❖ Tập hợp CPSX theo CP sản xuất thực tế.

❖ Đánh giá SP dở dang cuối kỳ và phương pháp tính giá thành: tương tự như mô hình kế toán CP SX và tính giá thành theo CP thực tế.

Có mấy phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang?

- CP SXC khi tập hợp vào bên nợ TK 627 là tập hợp theo CP thực tế, khi phân bổ (hoặc kết chuyển) sang TK 154 theo CP ước tính, cuối kỳ TK 627 sẽ phát sinh chênh lệch.

2. Xử lý khoản chênh lệch giữa CP SXC thực tế và CP SXC ước tính đã phân bổ (hoặc kết chuyển)

Trường hợp 1: Khi mức chênh lệch nhỏ ($< 5\%$

CP SXC thực tế)

Trường hợp 2: Khi mức chênh lệch lớn ($\geq 5\%$

CP SXC thực tế)

Trường hợp 1: Khi mức chênh lệch nhỏ

Thường được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ với bút toán:

Nợ TK 632

Có TK 627

• Hoặc:

Nợ TK 627

Có TK 632

Trường hợp 2: Khi mức chênh lệch lớn

Phân bổ mức chênh lệch vào tất cả các đối tượng chịu chi phí có liên quan:

- + CP SX kinh doanh dở dang cuối kỳ (TK 154)
- + Trị giá thành phẩm tồn kho (TK 155)
- + Giá vốn hàng bán (TK 632).

Việc tính toán phân bổ có thể thực hiện theo 2 cách

Cách 1:

Mức phân bổ thừa (hoặc thiếu) của CPSXC được phân bổ theo tiêu thức CP SX nằm trong CP SX dở dang cuối kỳ, trị giá thành phẩm tồn kho và trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bước 1: Tính tỷ lệ CP SX nằm trong từng TK đã nói ở trên so với tổng số của 3 TK đã nói ở trên.

Bước 2: Phân bổ các tỷ lệ này với mức phân bổ thừa hoặc thiếu của CP SXC cần phân bổ tiếp cho 3 TK 154, 155, 632.

Ví dụ:

Tổng phát sinh Nợ của TK 627: 20.950
(ngàn đồng)

Tổng phát sinh Có của TK 627: 24.000
(ngàn đồng)

=> Phân bổ (hoặc kết chuyển) ?

Ta tiến hành phân bổ số CL thừa này cho các TK 154; 155; 632 căn cứ vào các tài liệu cho như sau:

Tài khoản	Số dư cuối kỳ	Tổng số phát sinh trong kỳ	Tỷ lệ	Mức phân bổ thừa	Mức phân bổ cho các TK
CP SXKD dở dang (TK 154)	18.000		15%	3.050	
Thành phẩm (TK 155)	30.000		25%	3.050	
Giá vốn hàng bán (TK 632)		72.000	60%	3.050	

Nợ TK 627

Có TK 154

Có TK 155

Có TK 632

Ví dụ 2:

Ta có các số liệu như sau:

- CP SXKD dở dang cuối kỳ là 36.000.000 đ
- Thành phẩm tồn kho cuối kỳ là 60.000.000 đ
- Giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ là 144.000.000đ.
- Tổng số phát sinh nợ của tài khoản 627 là 24.000.000 đ
- Tổng số phát sinh có của tài khoản 627 là 20.000.000 đ
- Hãy tiến hành phân bổ chênh lệch ở tài khoản 627 vào các tài khoản liên quan?

Ví dụ 3:

Ta có các số liệu như sau:

- CP SXKD dở dang cuối kỳ là 36.000.000 đ
- Thành phẩm tồn kho cuối kỳ là 67.000.000 đ
- Giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ là 154.000.000đ.
- Tổng số phát sinh nợ của tài khoản 627 là 18.000.000 đ
- Tổng số phát sinh có của tài khoản 627 là 27.000.000 đ
- Hãy tiến hành phân bổ chênh lệch ở tài khoản 627 vào các tài khoản liên quan?

Cách 2:

Mức phân bổ thừa (hoặc thiếu) của CP SXC được phân bổ theo tiêu thức CP SXC nằm trong CP SX dở dang cuối kỳ (TK 154); trị giá TP tồn kho (TK 155) và trị giá vốn hàng bán trong kỳ (TK 632).

Bước 1: Tính tỷ lệ CP SXC trong mỗi TK so với tổng CP SXC của 3 TK đã nói ở trên.

Bước 2: Nhân tỷ lệ này với mức phân bổ thừa hoặc thiếu của CP SXC, ta sẽ có được các CP SX cần phân bổ tiếp cho các đối tượng chịu CP.

Căn cứ vào số liệu của ví dụ trên và các tài liệu được cho bổ sung, ta tiến hành phân bổ số chênh lệch thừa cho các TK 154, 155, 632 như sau:

ĐVT: ngàn đồng

Tài khoản	CP sản xuất chung	Tỷ lệ	Mức phân bổ thừa	Mức phân bổ cho các TK
CP SXKD dở dang (TK 154)	3.600			
Thành phẩm (TK 155)	6.000			
Giá vốn hàng bán (TK 632)	14.400			

Ví dụ 2:

Ta có các số liệu như sau:

Chi phí sản xuất chung có trong:

- + Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 7.200.000 đ
- + Thành phẩm tồn kho là 12.000.000đ
- + Giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ là 144.000.000đ.
- Tổng số phát sinh nợ của tài khoản 627 là 24.000.000 đ
- Tổng số phát sinh có của tài khoản 627 là 20.000.000 đ
- Hãy tiến hành phân bổ chênh lệch ở tài khoản 627 vào các tài khoản liên quan?

Ví dụ 3:

Ta có các số liệu như sau:

Chi phí sản xuất chung có trong:

- + Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 7.200.000 đ
- + Thành phẩm tồn kho là 12.000.000đ
- Giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ là 144.000.000đ.
- Tổng số phát sinh nợ của tài khoản 627 là 20.000.000đ
- Tổng số phát sinh có của tài khoản 627 là 24.000.000đ
- Hãy tiến hành phân bổ chênh lệch ở tài khoản 627 vào các tài khoản liên quan?